

Số: 01/2021/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP K (gọi tắt: T)

Địa chỉ trụ sở: Số 191 B, phường L, quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Hoàng Thị Thanh T1, ông Đặng Việt T1, bà Nguyễn Thị N (Theo Giấy uỷ quyền số 939-03/2020/UQ- TCB ngày 18/9/2020).

***Bị đơn :** + Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1965

+ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1965

Đều có HKTT: Thôn N, xã S, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Xuân C1, sinh năm 1940 (Đã chết năm 2012)

+ Bà Nguyễn Thị T2 – sinh năm 1940

+ Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1965

+ Ông Nguyễn Văn T3 – sinh năm 1971

+ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1974

+ Ông Nguyễn Văn P – sinh năm 1960

+ Bà Đỗ Thị C3 – sinh năm 1960

+ Anh Nguyễn Văn K – sinh năm 1985

+ Chị Nguyễn Thị Thanh L – sinh năm 1986

Đều có HKTT: Thôn N, xã S, huyện U, TP. Hà Nội

***Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân C:**

- + Bà Nguyễn Thị T2 – sinh năm 1940
- + Ông Nguyễn Văn C – sinh năm 1965
- + Ông Nguyễn Văn T3 – sinh năm 1971
- + Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1974

Đều có HKTT: Thôn N, xã S, huyện U, TP. Hà Nội
(Bà Thân, ông C, ông T2, bà H, ông P, bà C3, anh K và chị L đều có văn bản ủy quyền cho bà H ngày 10/12/2020 và ngày 16/12/2020)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ:

Bị đơn: ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H xác nhận ngày 12/3/2011 đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 42283/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-HHT để vay: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Ông C, bà H đã được T giải ngân 2.000.000.000đ theo Khế ước nhận nợ và Cam kết nhận nợ số 42283 ngày 17/03/2011. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và Khế ước trên, ông C và bà H đã thanh toán cho T tổng số tiền là: 2.712.735.225 đồng, bao gồm: 916.658.000 đồng nợ gốc và 1.796.077.225 đồng nợ lãi.

Nay ông C, bà H xác nhận hiện còn nợ T số tiền tính đến ngày 18/01/2021 cụ thể là: 1.612.895.913 đồng, bao gồm 1.083.342.000 đồng nợ gốc, 398.828.696 đồng nợ lãi trong hạn và 130.725.217 đồng nợ lãi quá hạn

2.2. Các bên thống nhất thỏa thuận về thời hạn và phương thức thanh toán, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C thanh toán cho T số tiền tính đến ngày 18/01/2021 là: **1.612.895.913 đồng** (*Một tỷ sáu trăm mười hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm mười ba đồng*), bao gồm 1.083.342.000 đồng nợ gốc, 398.828.696 đồng nợ lãi trong hạn và 130.725.217 đồng nợ lãi quá hạn.

Kể từ ngày 19/01/2021, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 42283/HĐTD/TH-TN/TCB-HQV-HHT ngày 12/03/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Các tài sản bảo đảm là:

- + Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 167, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 002182, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00479.QSĐĐ/UH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 05/03/2004 cho Hộ ông Nguyễn

Xuân Cơ. Đính chính lại thông tin chủ sử dụng đất thành ông Nguyễn Xuân Cơ ngày 01/03/2011 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 002174, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00470.QSĐĐ/UH do UBND huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 05/03/2004 cho Hộ ông Nguyễn Văn Phú. Đính chính lại thông tin chủ sử dụng đất thành ông Nguyễn Văn Phú ngày 01/03/2011 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà H, ông C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của T với bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C về án phí dân sự sơ thẩm. Bà H, ông C tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự là 30.193.438 đồng. Bà H, ông C được giảm án phí theo đơn hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.645.000 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Trả lại Ngân hàng TMCP K số tiền 30.700.000 đồng (*Ba mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0009961 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đường sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Hoàng Thị Bích Hằng